

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 13-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan
2. Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn TR (TR phản bội), sinh năm 1983, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện A, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị U; có vợ tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 08-12-2021 đến ngày

17-02-2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Phùng Quốc Đ, sinh năm 1998, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn B, huyện A, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quốc S và bà Ngô Thị Hồng Nh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08-6-2020, bị Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt ngày 06-4-2022; tạm giữ từ ngày 08-12-2021 đến ngày 17-02-2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Trần Hữu D, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Lê Tấn Tài E sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp 1, xã D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/ Anh Vũ Quốc Th (V), sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 01/10, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: ấp Bình Tạo, xã R, thành phố T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3/ Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp 2, xã D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4/ Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp 3, xã 4, thành phố T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; nơi cư trú: 539/37, Khu phố 10, phường O, quận L, Thành phố HC; tạm trú: Khu phố 5, thị trấn B, huyện A, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 21-11-2021, Lê Văn Tr và Phùng Quốc Đ cùng đến khu đất trồng thanh long thuộc Khu phố 5, thị trấn B, huyện A, tỉnh Tiền Giang do Trần Hữu D làm chủ sở hữu để bắt cá. Tại đây, phát hiện trong khu đất có 04 căn nhà không người trông coi, Tr nảy sinh ý định và rủ Đ lấy trộm các cửa (gồm cửa đi và cửa sổ) bán lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Đ dùng điện thoại di động chụp ảnh các cửa sổ của 04 căn nhà này rồi cùng Tr ra về. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ gọi điện và gửi ảnh đã chụp cho Lê Tấn Tài E để thỏa thuận bán cửa cho Tài E. Đ và Tài E thống nhất giá của 24 cửa (gồm 16 cửa đi và 08 cửa sổ) bằng nhôm với giá 7.000.000 đồng, nhưng hẹn ngày khác giao cửa và nhận tiền.

Khoảng 20 giờ ngày 29-11-2021, Tr điều khiển xe mô tô 2 bánh, biển kiểm soát 63K6 -1141 chở Đ đến khu đất nói trên để trộm cửa, Đ dùng điện thoại gọi cho Vũ Quốc Th thỏa thuận thuê xe ô tô tải để chở cửa giao cho Tài E với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, Tr và Đ cùng nhau tháo 24 cánh cửa như đã nêu và chỉ đường cho Th điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61N-5585 đến hiện trường để chở cửa đã trộm đi giao cho Tài E.

Đ gọi điện cho Tài E để giao cửa, Tài E yêu cầu giao tại nhà của Lê Thị Thu H (chị của Tài E. Tại đây, Tr và Đ giao đủ cho Tài E 24 cửa nêu trên và nhận trước số tiền 2.500.000 đồng, Đ trả tiền thuê xe 1.500.000 đồng, Tr và Đ chia nhau mỗi người 500.000 đồng. Đến ngày 02-12-2021, Đ và Tr nhận đủ số tiền 4.500.000 đồng còn lại từ Tài E và chia đều cho nhau tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 02-12-2021, phát hiện mất tài sản, ông D trình báo Công an thị trấn B để giải quyết. Qua xác minh, hành vi trộm tài sản nêu trên của Tr và Đ bị phát hiện.

Vật chứng, tài sản tạm giữ:

- 12 cửa đi bằng nhôm, kích thước (2,4 x 0,9) m, trong đó có 05 cánh cửa bị vỡ, nứt kín; 04 cửa đi bằng nhôm, kích thước (2,2 x 0,9) m, trong đó có 02 cửa bị vỡ, nứt kín; 04 cửa sổ bằng nhôm, kích thước (1,1 x 1,4) m, trong đó có 01 cửa bị vỡ,

nút kín và 04 cửa sổ bằng nhôm, kích thước (0,9 x 1,4) m. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trao trả cho ông Trần Hữu Danh.

- 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 61N -5585 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe do K, sinh năm 1949, là chủ Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thành P, địa chỉ tại số 166/3A, Thanh Hòa B, phường U, thành phố A, tỉnh O đăng ký sở hữu. K bán xe cho người khác nhưng không làm thủ tục sang tên (không xác định được người mua). Hiện xe 61N -5585 do Nguyễn Thị Ngọc H quản lý, sử dụng và giao cho Vũ Quốc Th lái xe thuê cho H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã trao trả xe 61N -5585 cho Nguyễn Thị Ngọc H.

- 01 xe mô tô loại Wave màu xanh đen, hiệu Nagaki, biển kiểm soát 63K6 - 1141; số máy: 1P52FMH10399185; số khung: WE110*10399185* do Dương Quốc T, sinh năm 1986, đăng ký thường trú tại ấp LB, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang đăng ký sở hữu. Do xe đã cũ, nên T bán cho người mua phé liệu (không rõ lý lịch). Đầu năm 2021, Đ mua lại xe từ điểm bán phé liệu tại Thành phố HC(không xác định địa chỉ), sau đó bán lại cho Tr; 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen; số IMEI 1: 353115111190137; số IMEI 2: 353115116190132 đã qua sử dụng. Đây là những phương tiện mà Tr và Đ sử dụng vào việc phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện A ra quyết định chuyển số vật chứng còn lại đến Chi cục thi hành án dân sự huyện A chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hữu D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nên không yêu cầu gì khác. Các bị cáo đã nộp lại số tiền 5.500.000 đồng, Vũ Quốc Th tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng nhận từ các bị cáo và không yêu cầu gì. Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền 7.000.000 đồng cho Tài E, nên Tài E không có yêu cầu gì khác.

Căn cứ Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện A, thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt (24 cửa nhôm các loại) là 48.643.200 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là 24 cánh cửa như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu D khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 02-12-2021, ông phát hiện bị mất tài sản gồm 16 cánh cửa nhôm và 08 cánh cửa sổ của ông. Các tài sản này trong 04 căn nhà ông cất cho công nhân ở tại phần đất trồng thanh long thuộc Khu phố 5, thị trấn B, huyện A, tỉnh Tiền Giang. Ông đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tấn Tài E khai nhận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 29-11-2021, anh có mua của bị cáo Đ 16 cánh cửa nhôm và 08 cánh cửa sổ với giá tiền là 7.000.000 đồng. Anh đã trả cho Đ số tiền trên làm 02 lần: lần đầu trả 2.500.000 đồng, lần 2 trả 4.500.000 đồng. Khi thỏa thuận bán cho anh, bị cáo Đ nói các tài sản trên là của bị cáo Đ. Bị cáo Đ giao các cánh cửa trên cho anh tại nhà của chị ruột anh là chị Lê Thị Thu H, anh gửi ở đó, chưa sử dụng. Đến ngày 05-12-2021 thì bị Công an thu giữ. Anh đã nhận lại số tiền 7.000.000 đồng, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Quốc Th khai nhận:

Vào khảng 21 giờ ngày 29-11-2021, anh có dùng xe tải biển kiểm soát 61N-5586 của chị H để chở thuê các cánh cửa cho bị cáo Đ với số tiền là 1.500.000 đồng. Vì bị cáo Đ kêu anh chở nên anh nghĩ các cánh cửa trên là của Đ, anh không biết nguồn gốc ở đâu bị cáo Đ có các cánh cửa. Sau đó, anh được biết số tiền Đ trả anh 1.500.000 đồng là do bán các cánh cửa trộm mà có. Anh giao lại số tiền 1.500.000 đồng cho cơ quan Công an, anh không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thu H khai nhận:

Chị là chị ruột của anh Lê Tấn Tài E. Vào khoảng 23 giờ ngày 29-11-2021, Tài E có gửi tại nhà chị 16 cánh cửa nhôm và 08 cánh cửa sổ. Lúc gửi chị không biết, đến sáng hôm sau chồng chị nói lại chị mới biết. Chị không biết nguồn gốc tài sản nêu trên. Sau khi gửi các cánh cửa tại nhà chị, anh Tài E không có lấy đi và cũng không có ai khác lấy. Đến ngày 05-12-2021, chị giao nộp cho Công an huyện Tân Phước tất cả các cánh cửa này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc H khai nhận:

Xe ô tô tải biển kiểm soát 61N-5585 là của vợ chồng chị do chồng chị mua, nhưng chưa sang tên, chồng chị đã chết nên chị quản lý xe. Vào khoảng 21 giờ ngày 21-11-2021, chị có cho anh Thái thuê xe để chở đồ cho người ta. Khi cho thuê, chị không biết anh Thái chở đồ cho ai, ở đâu. Đến sáng ngày 30-11-2021, anh Th trả xe cho chị. Đến ngày 05-12-2021, khi Công an mời làm việc chị mới biết anh Th chở đồ (cửa nhôm) cho các đối tượng trộm ở huyện A, tỉnh Tiền Giang. Anh Th chưa trả tiền thuê xe cho chị. Chị không có yêu cầu gì đối với anh Th và các đối tượng trộm cắp nêu trên. Việc anh Th chưa trả tiền cho chị để chị và anh Th thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn H khai nhận: Ông không biết ai trộm tài sản của ông D, nhưng vào khoảng 02 ngày trước khi mất trộm tài sản nêu trên, lúc khoảng 22 giờ đêm, ông có thấy 01 chiếc xe ô tô tải màu xanh chạy từ hướng nhà của ông D ra trạm bơm phía trước lộ nhựa Rạch Đào. Xe ô tô tải biển số có số đầu là 61, còn lại các số sau ông không nhớ. Trên xe ô tô tải có khoảng 03 người, ông không biết tên gì, ở đâu.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSTP ngày 10-5-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo Lê Văn Tr, Phùng Quốc Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Tr từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Quốc Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù; trừ thời gian tạm giữ cho cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô loại Wave màu xanh đen, hiệu Nagaki, biển kiểm soát 63K6-1141; số máy: 1P52FMH10399185; số khung: WE110*10399185*; 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen; số IMEI 1: 353115111190137; số IMEI 2: 353115116190132, đã qua sử dụng.

- Đối vật chứng là các cánh cửa, Cơ quan điều tra đã trả lại ông D.

Về dân sự: Anh Tài E đã nhận lại 7.000.000 đồng; chị H đã nhận lại xe tải biển kiểm soát 61N-5585, cả hai không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Các bị cáo không nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 20 giờ ngày 29-11-2021, tại nhà của ông Trần Hữu D thuộc Khu phố 5, thị trấn B, huyện A, tỉnh Tiền Giang, Lê Văn Tr và Phùng Quốc Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt 24 cánh cửa nhôm các loại của Trần Hữu D. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 48.643.200 đồng

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nhằm mục đích có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, đã trả lại tiền cho anh Tai E, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Về nhân thân: Bị cáo Tr có nhân thân tốt, bị cáo Đ có nhân thân xấu.
- Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Tr là người rủ rê và cùng bị cáo Đ thực hiện tội phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời giáo dục, răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo lúc lượng hình.

[5]. Đối với anh Tài E khi mua các cánh cửa, anh Th khi chở các cánh cửa, chị H khi cho gửi các cánh cửa không biết các tài sản này các bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý hình sự là có cơ sở.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô loại Wave màu xanh đen, hiệu Nagaki, biển kiểm soát 63K6 - 1141; số máy: 1P52FMH10399185; số khung: WE110*10399185*; 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen; số IMEI 1: 353115111190137; số IMEI 2: 353115116190132, đã qua sử dụng. Đây là các tài sản các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về các vật chứng khác gồm: 12 cửa đi bằng nhôm, kích thước (2,4 x 0,9) m, trong đó có 05 cánh cửa bị vỡ, nứt kín; 04 cửa đi bằng nhôm, kích thước (2,2 x 0,9) m, trong đó có 02 cửa bị vỡ, nứt kín; 04 cửa sổ bằng nhôm, kích thước (1,1 x 1,4) m, trong đó có 01 cửa bị vỡ, nứt kín và 04 cửa sổ bằng nhôm, kích thước (0,9 x 1,4) m; 01 xe ô tô tải BKS: 61N-5585 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe do K, sinh năm 1949 là chủ Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thành P, địa chỉ tại Số 166/3A, phường 6, thành phố Á, tỉnh Ö đăng ký sở hữu. K bán xe cho người khác nhưng không làm thủ tục sang tên (không xác định được người mua). Hiện xe 61N-5585 do chị Nguyễn Thị Ngọc H quản lý, sử dụng và giao cho anh Vũ Quốc Th lái xe thuê cho chị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã xử lý xong theo đúng theo quy định của pháp luật.

[7]. Về dân sự: Ông D, anh Tài E, anh Th, chị H không yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Tr, Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Tr, Phùng Quốc Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, 50, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 08-12-2001 đến ngày 17-12-2021 là 09 ngày tạm giữ (được tính bằng 09 ngày tạm giam).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, 50, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Phùng Quốc Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08-12-2021 đến ngày 17-12-2021 là 09 ngày tạm giữ (được tính bằng 09 ngày tạm giam).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô loại Wave màu xanh đen, hiệu Nagaki, biển kiểm soát 63K6-1141; số máy: 1P52FMH10399185; số khung: WE110*10399185*; 01 (một) điện thoại di động có chữ Nokia màu đen; số IMEI 1: 353115111190137; số IMEI 2: 353115116190132, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26-5-2022).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Tr, Đ mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Tr, Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tài E, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại ông D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thanh Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA